

Bản án số: 142/2021/DS-PT

Ngày: 08 - 6 -2021

V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Kim Cua.

*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương.

Ông Lê Minh Đạt.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 78/2021/TLPT-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng mua bán.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 104/2021/QĐPT-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Ông Lê Văn H, sinh năm: 1967; *(có mặt)*

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

***- Bị đơn:***

1. Bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm: 1986; *(có mặt)*

2. Ông Mai Quốc T, sinh năm: 1983; *(có mặt)*

Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

***- Người kháng cáo:*** Nguyên đơn ông Lê Văn H;

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/7/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn ông Lê Văn H cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông H là bà Phan Thị Bảy trình bày:*

Từ khoảng năm 2013 đến ngày 15/6/2016 âm lịch, ông H với bà Trần Thị Mỹ D và ông Mai Quốc T có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn chăn nuôi heo, hai bên thỏa thuận bằng lời nói, khi giao thức ăn mỗi bên giữ một sổ theo dõi, thời hạn thanh toán tiền thức ăn là khi heo xuất chuồng (khoảng 04 đến 05 tháng cho cả heo thịt và heo nái). Bà D, ông T thỏa thuận sẽ thanh toán dứt nợ cũ để ông bán thức ăn mới sau khi heo xuất chuồng. Thời gian đầu bà D, ông T thực hiện đúng như thỏa thuận. Thời gian sau, khi heo xuất chuồng bà D, ông T không trả đủ tiền và xin thiếu lại nhưng không nhiều, kéo dài đến ngày 15/6/2016 âm lịch hai bên ngừng giao dịch mua bán thức ăn và tiến hành chốt nợ thì bà D, ông T còn nợ ông H số tiền thức ăn là 126.030.000 đồng, hai bên không có thỏa thuận lãi suất. Bà D, ông T hứa khi nào có tiền bao nhiêu trả bấy nhiêu chứ không hứa cụ thể ngày tháng năm nào. Từ ngày 09/6/2017 đến ngày 28/12/2019 bị đơn trả 29 lần được số tiền 29.000.000 đồng, đến ngày 01/6/2020 bà D, ông T có trả thêm 2.000.000 đồng nữa và hiện còn nợ lại ông H số tiền vốn gốc là 95.030.000 đồng. Nay ông H yêu cầu ông T và bà D liên đới trả số tiền thức ăn còn nợ là 95.030.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 15/6/2016 âm lịch (tức ngày 18/7/2016 dương lịch, ngày bị đơn ký tên chốt nợ) đến ngày Tòa án xét xử theo quy định pháp luật. Cụ thể:

Vốn gốc là 95.030.000 đồng.

Lãi suất đối với số tiền 95.030.000 đồng tính từ ngày 18/7/2016 đến ngày 29/3/2021:  $95.030.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 56 \text{ tháng} = 44.457.000 \text{ đồng}$ .

Như vậy, nay ông Lê Văn H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Mỹ D và ông Mai Quốc T phải liên đới trả số tiền thức ăn còn nợ là 139.487.000 đồng bao gồm cả tiền vốn gốc và tiền lãi.

*Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Trần Thị Mỹ D trình bày:*

Bà có hợp đồng mua thức ăn của ông Lê Văn H để chăn nuôi heo, hợp đồng bằng lời nói và những thỏa thuận giao kèo như ông H đã trình bày. Ngày 15/6/2016 âm lịch vợ chồng bà không còn mua thức ăn của ông Lê Văn H nữa và tiến hành chốt nợ, vợ chồng bà còn nợ ông H số tiền 126.030.000 đồng, hai bên không có thỏa thuận lãi suất, từ đó bà đi làm thuê, sau khi trừ các chi phí sinh hoạt gia đình có dư bao nhiêu tiền thì trả ông H bấy nhiêu. Từ ngày chốt nợ đến nay vợ chồng bà đã trả cho ông H rất nhiều lần với số tiền là 31.000.000 đồng. Nay vợ chồng bà chỉ còn nợ ông H số tiền thức ăn là 95.030.000 đồng. Do

mấy năm nay heo bị dịch bệnh chết, hiện bà đi làm thuê để trả dần số nợ cho ông H, vợ chồng bà cũng không có khả năng thanh toán một lần số nợ trên nên bà xin trả dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi nào hết số nợ trên. Riêng về phần yêu cầu tính lãi thì bà xin ông H cho vợ chồng bà không phải trả lãi vì bà không có khả năng trả.

*Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Mai Quốc T trình bày:*

Ông và bà D là vợ chồng, việc mua thức ăn của ông H là vợ chồng cùng chăn nuôi nên nợ vợ chồng cùng làm cùng trả. Nay ông đồng ý liên đới cùng bà D trả số tiền 95.030.000 đồng cho ông H nhưng trả dần mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi nào hết số nợ trên chứ không có khả năng trả một lần, đồng thời xin không trả lãi vì vợ chồng hiện không có khả năng trả vốn thì càng không có khả năng trả lãi theo yêu cầu của ông H.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định như sau:*

Áp dụng các Điều 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H.

Buộc bà Trần Thị Mỹ D và ông Mai Quốc T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Lê Văn H số tiền thức ăn là 101.497.500 đồng (trong đó có 95.030.000 đồng tiền vốn gốc và 6.467.500 đồng tiền lãi tính từ ngày 23/7/2020 đến ngày 29/3/2021).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/4/2021, nguyên đơn ông Lê Văn H kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B, yêu cầu sửa một phần Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về phần tiền lãi tính từ ngày 12/6/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Nguyên đơn và bị đơn thống nhất sau khi xét xử sơ thẩm, ông T, bà D có trả cho nguyên đơn số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Trần Thị Mỹ D và ông Mai Quốc T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Lê Văn H số tiền 101.497.500 đồng (trong đó có 95.030.000 đồng tiền vốn gốc và 6.467.500 đồng tiền lãi tính từ ngày 23/7/2020 đến ngày 29/3/2021) là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên Tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn thống nhất sau khi xét xử sơ thẩm, ông T, bà D có trả cho ông H số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm về số tiền gốc, buộc bà Trần Thị Mỹ D và ông Mai Quốc T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Lê Văn H số tiền gốc còn lại 93.030.000 đồng tiền và tiền lãi của số tiền trên tính từ ngày 23/7/2020 đến ngày 29/3/2021). Về kháng cáo của ông Lê Văn H không có cơ sở để chấp nhận vì ông Lê Văn H không cung cấp được chứng cứ chứng minh tại thời điểm chốt nợ hai bên có thỏa thuận về thời gian ông T, bà D phải trả tiền cho ông H.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn H;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn ông Lê Văn H khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Mai Quốc T, bà Trần Thị Mỹ D có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền mua thức ăn chăn nuôi heo còn nợ là 95.030.000 đồng và lãi suất của số tiền 95.030.000 đồng tính từ ngày 18/7/2016 đến ngày 29/3/2021 (ngày xét xử sơ thẩm) số tiền  $95.030.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times (56 \text{ tháng } 11 \text{ ngày}) = 44.457.000 \text{ đồng}$ . Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông H. Buộc bà Trần Thị Mỹ D và ông Mai Quốc T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Lê Văn H số tiền 101.497.500 đồng (trong đó có 95.030.000 đồng tiền vốn gốc và 6.467.500 đồng), tiền lãi tính từ ngày 23/7/2020 đến ngày 29/3/2021.

[2] Nguyên đơn ông Lê Văn H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm về phần tiền lãi. Buộc bà Trần Thị Mỹ D và ông Mai Quốc T liên đới trả cho ông tiền lãi của số tiền 95.030.000 đồng tính từ ngày 12/6/2017 đến ngày 29/3/2021 (ngày xét xử sơ thẩm). Tại phiên Tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn thống nhất sau khi xét xử sơ thẩm, ông T, bà D có trả cho

ông H số tiền 2.000.000đồng (hai triệu đồng). Vì vậy, số tiền gốc bà D, ông T còn thiếu ông H là 93.030.000đồng.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn H: nguyên đơn và bị đơn thống nhất có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn bằng lời nói, phương thức thanh toán khi bán heo thì bà D, ông T có nghĩa vụ trả đủ tiền thức ăn cho ông H. Ngày 15/6/2016 âm lịch (tức ngày 18/7/2016 dương lịch) hai bên tiến hành chốt nợ, bà D, ông T còn nợ ông H số tiền 126.030.000đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn thống nhất trình bày, sau khi chốt nợ nguyên đơn cho bị đơn trả dần số tiền còn nợ mỗi tháng 1.000.000đồng và thực tế thì bị đơn đã thực hiện trả tiền cho nguyên đơn được 31.000.000đồng. Như vậy, số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn được tính từ ngày chốt nợ 18/7/2016 đến tháng 2/2019. Sau đó, bị đơn không tiếp tục trả tiền cho nguyên đơn là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền cho nguyên đơn như các bên đã thỏa thuận nên bị đơn ông T, bà D phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thanh toán cho nguyên đơn từ tháng 2/2019 cho đến khi tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án là phù hợp. Do các bên không có thỏa thuận về lãi suất nên lãi suất được tính theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2005 là 10%/năm. Số tiền lãi bị đơn ông T, bà D phải trả cho nguyên đơn là  $95.030.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 25 \text{ tháng} = 19.718.700 \text{ đồng}$ . Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn thống nhất sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn có trả cho nguyên đơn 2.000.000đồng nên thực tế tiền nợ gốc chỉ còn 93.030.000đồng và nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc là 93.030.000đồng. Ông H kháng cáo yêu cầu tính lãi số tiền 95.030.000 đồng tính từ ngày 12/6/2017 đến ngày 29/3/2021 (ngày xét xử sơ thẩm) nhưng ông H không cung cấp được chứng cứ hai bên thỏa thuận đến ngày 12/6/2017 bà D, ông T phải trả hết số tiền còn nợ cho ông H nên không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những nhận định trên, chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn H. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B. Buộc bị đơn ông Mai Quốc T, bà Trần Thị Mỹ D có nghĩa vụ liên đới trả nguyên đơn ông Lê Văn H số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn nợ là 93.030.000 đồng và lãi suất của số tiền

95.030.000 đồng tính từ tháng 2/2019 đến ngày 29/3/2021 (ngày xét xử sơ thẩm) là 19.718.700 đồng. Tổng số tiền bà D, ông T phải trả cho ông H là 112.748.700đồng. Đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có một phần phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên được chấp một phần.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do bản án sơ thẩm bị sửa. Bà D, ông T phải liên đới trả cho ông Lê Văn H số tiền 112.748.700đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền 112.748.700đồng x 5% = 5.637.400đồng. Ông Lê Văn H phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là (44.457.000 đồng - 19.718.700đồng) x 5% = 1.236.900đồng.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông Lê Văn H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;  
Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn H.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B.

Cụ thể tuyên:

Áp dụng các Điều 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H.

Buộc bà Trần Thị Mỹ D và ông Mai Quốc T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Văn H số tiền 112.748.700đồng (một trăm mười hai triệu bảy trăm bốn mươi tám ngàn bảy trăm đồng). Trong đó có 93.030.000 đồng tiền vốn gốc và 19.718.700 đồng tiền lãi.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.*

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Trần Thị Mỹ D và anh Mai Quốc T có nghĩa liên đới chịu số tiền 5.637.400đồng (năm triệu sáu trăm ba mươi bảy ngàn bốn trăm đồng).

- Ông Lê Văn H phải chịu số tiền 1.236.900đồng (một triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 2.375.000 đồng (hai triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003733 ngày 23/10/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Hoàn lại cho ông H số tiền 1.138.100 đồng (một triệu một trăm ba mươi tám ngàn một trăm đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Lê Văn H không phải chịu. Hoàn lại cho ông H tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000629 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Kim Cửa**